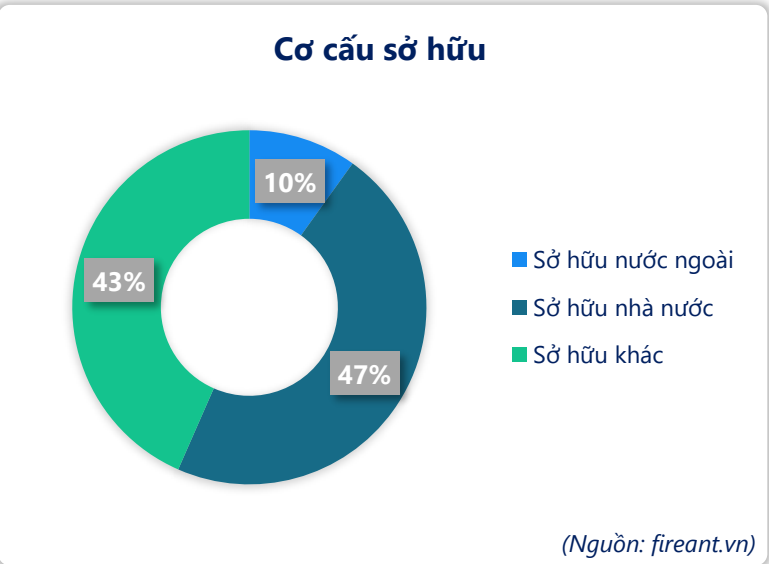
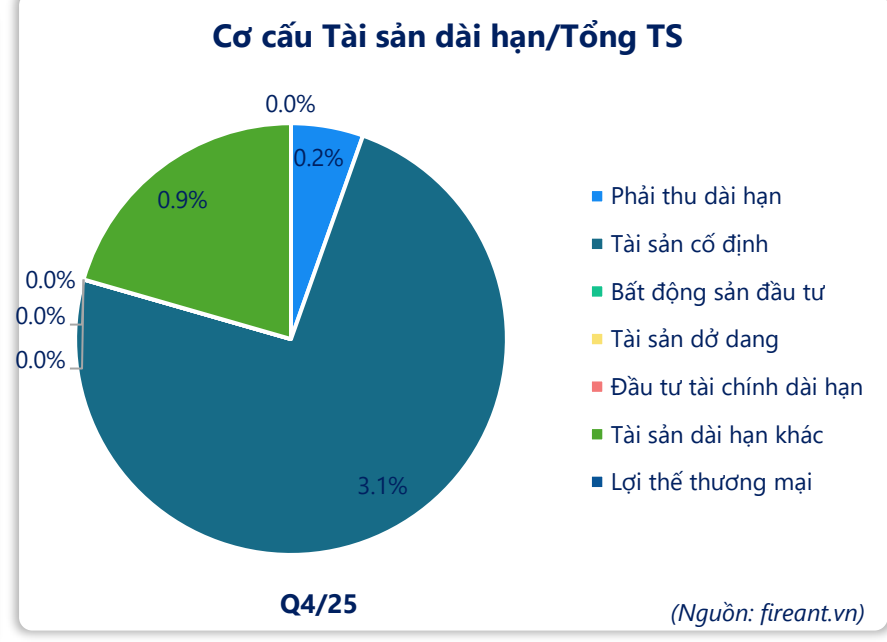
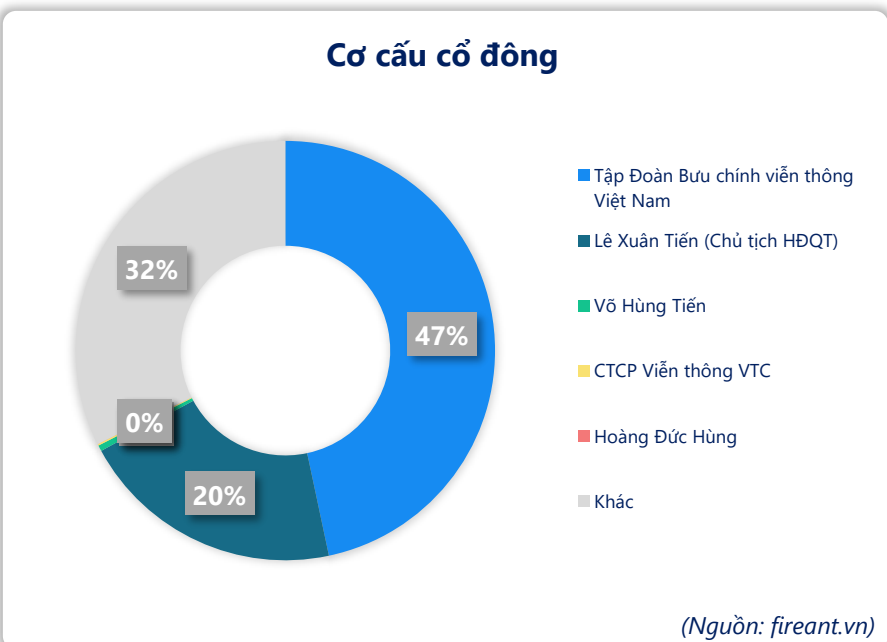
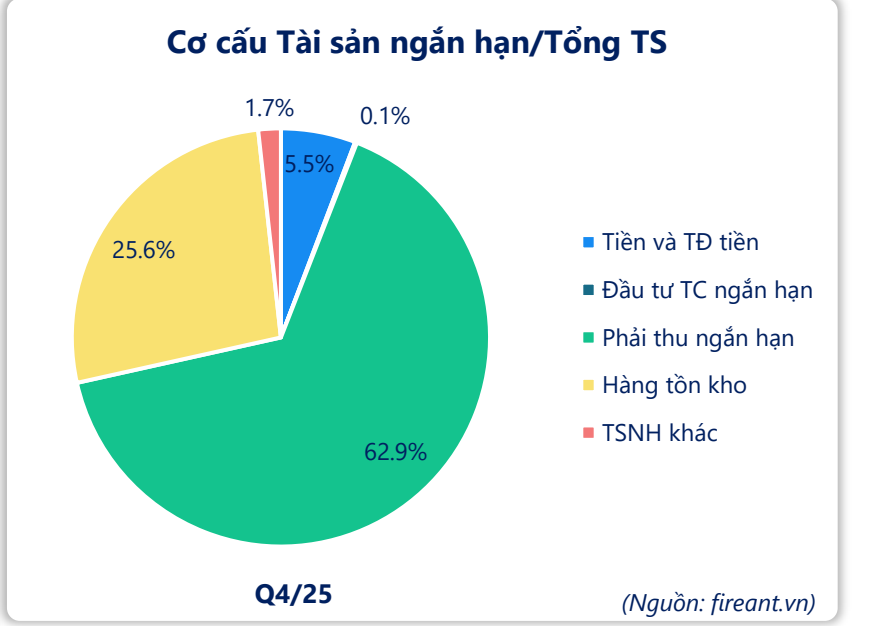
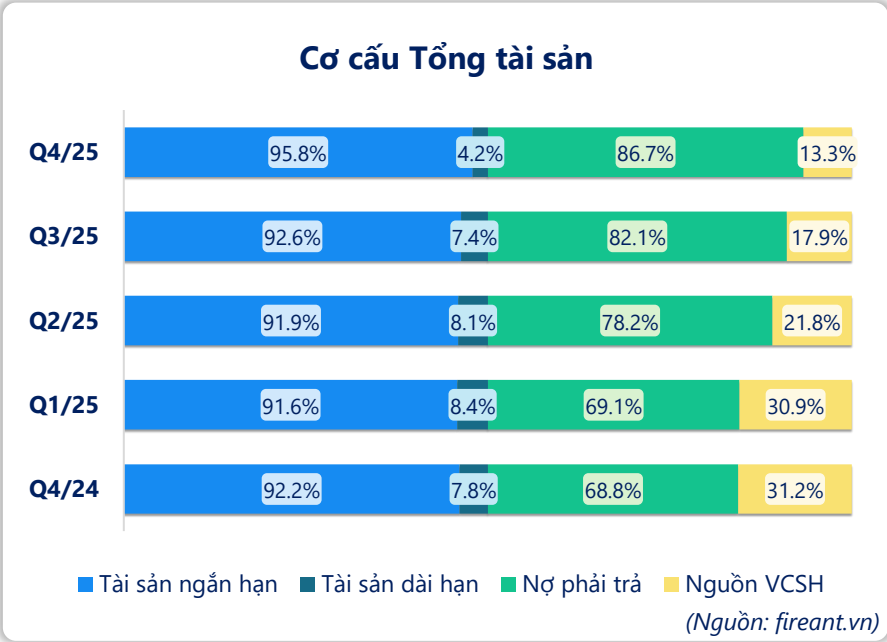


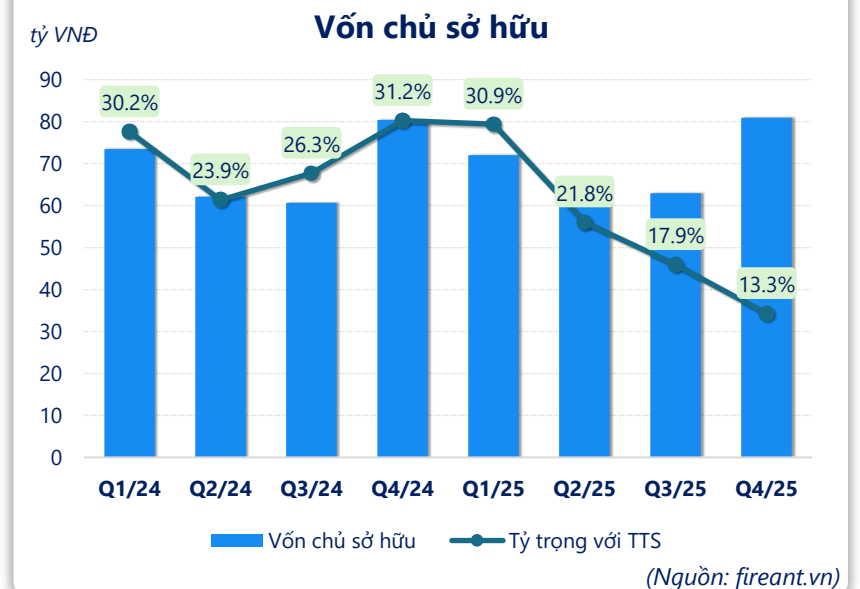
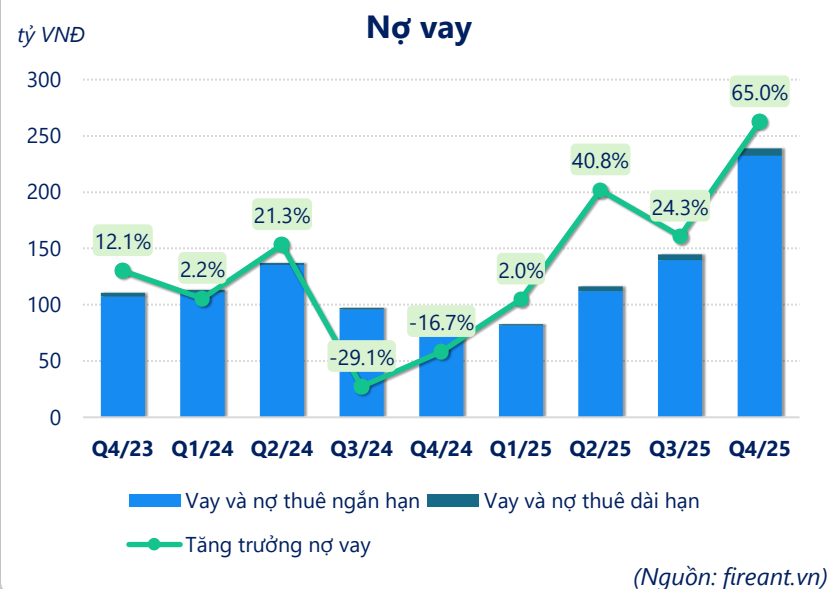
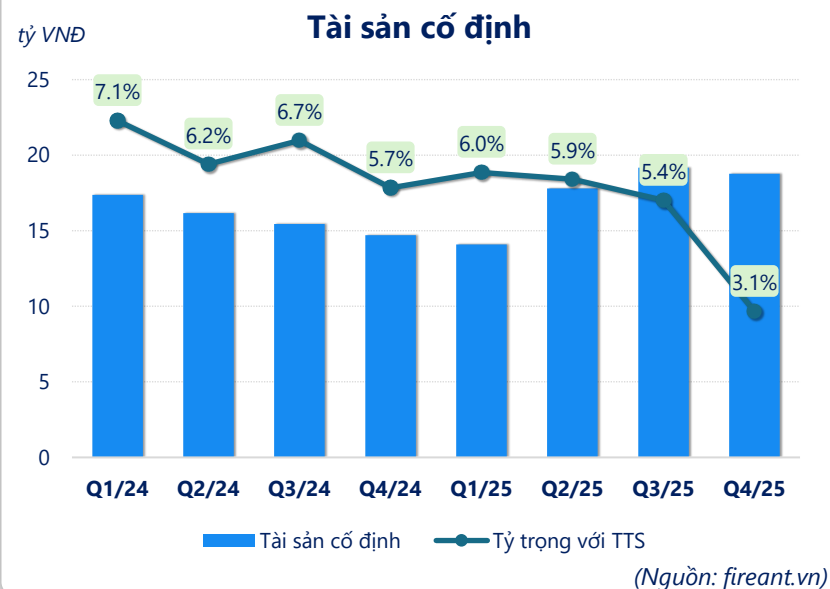
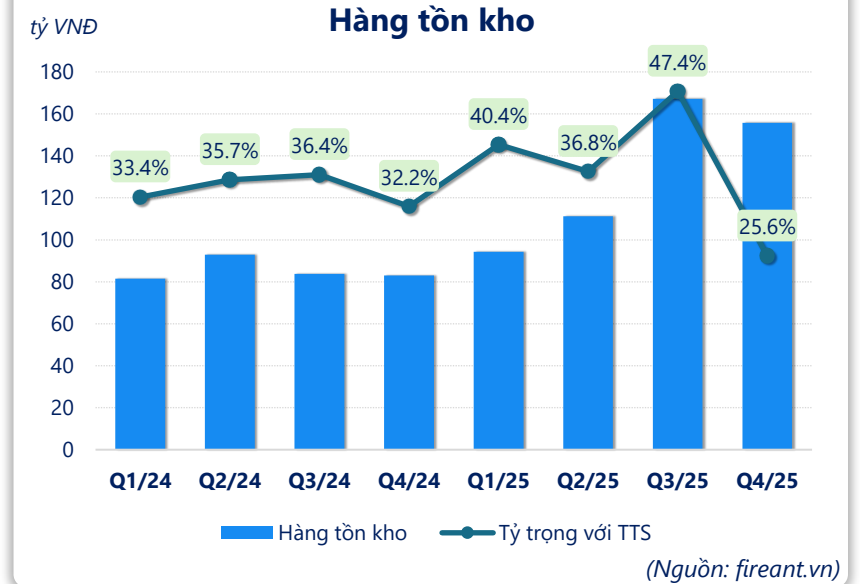
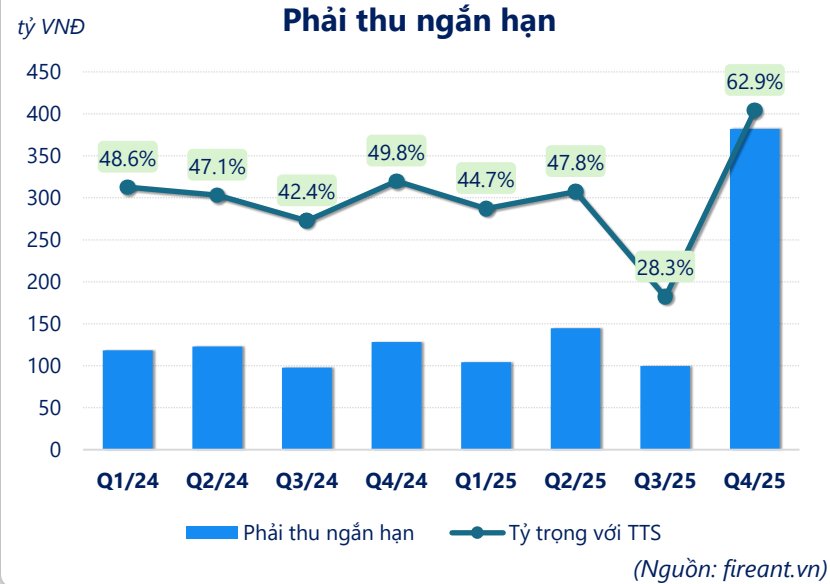
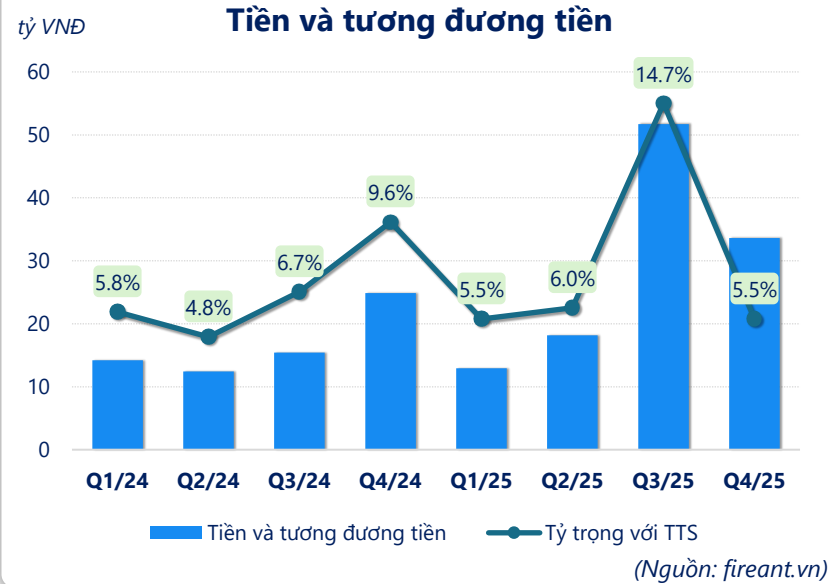
Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		29,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,000
SL cổ phiếu LH		4,529,143
KLGD BQ 20 phiên (CP)		37,620
% sở hữu nước ngoài		9.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		58
P/E		14.9
EPS		864

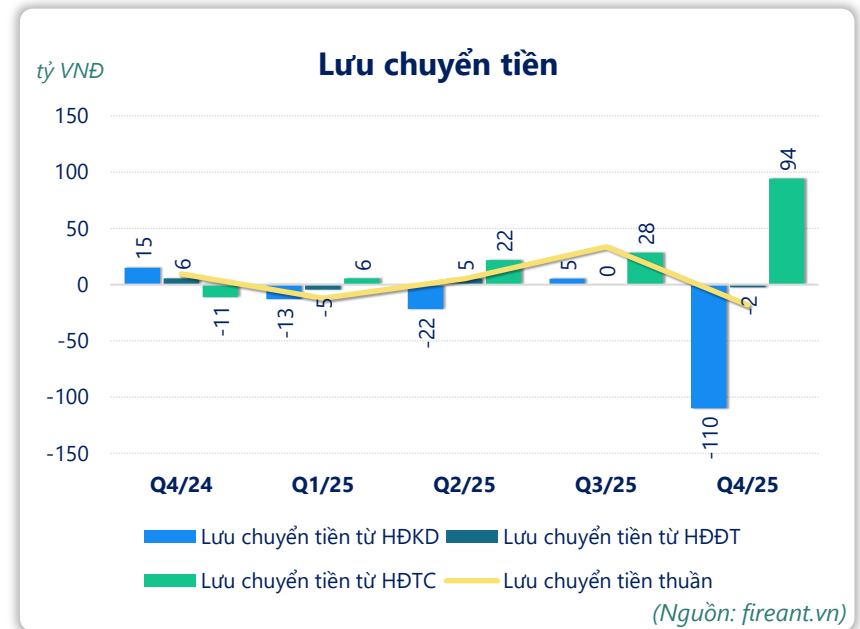
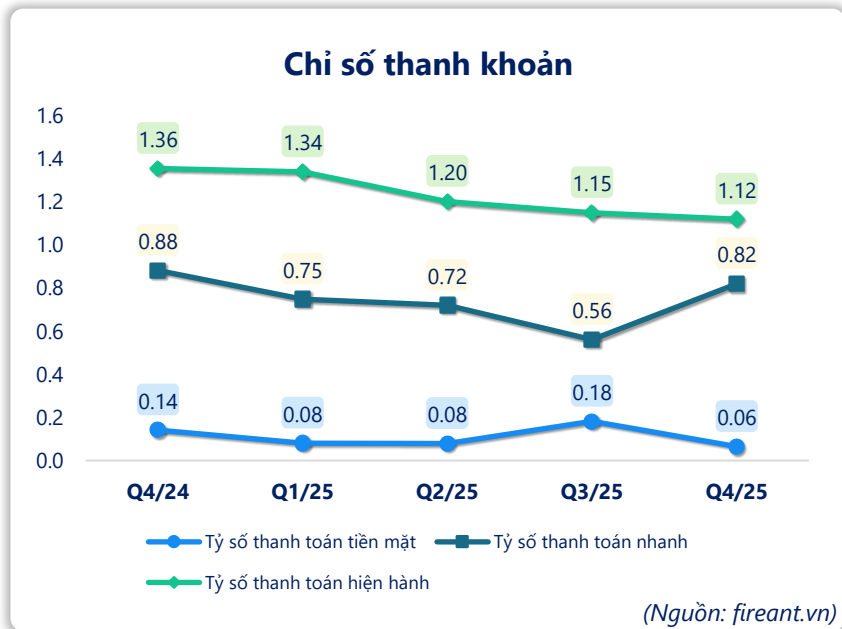
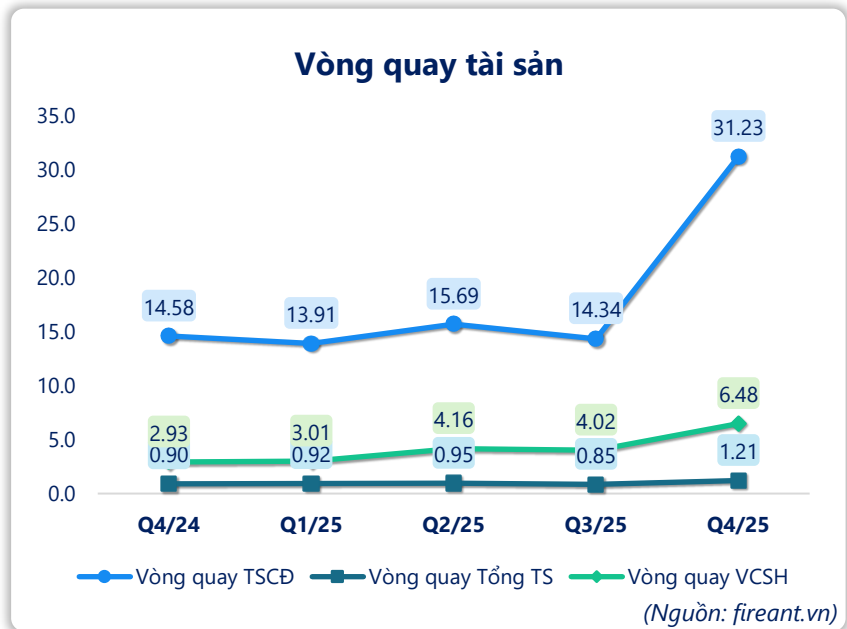
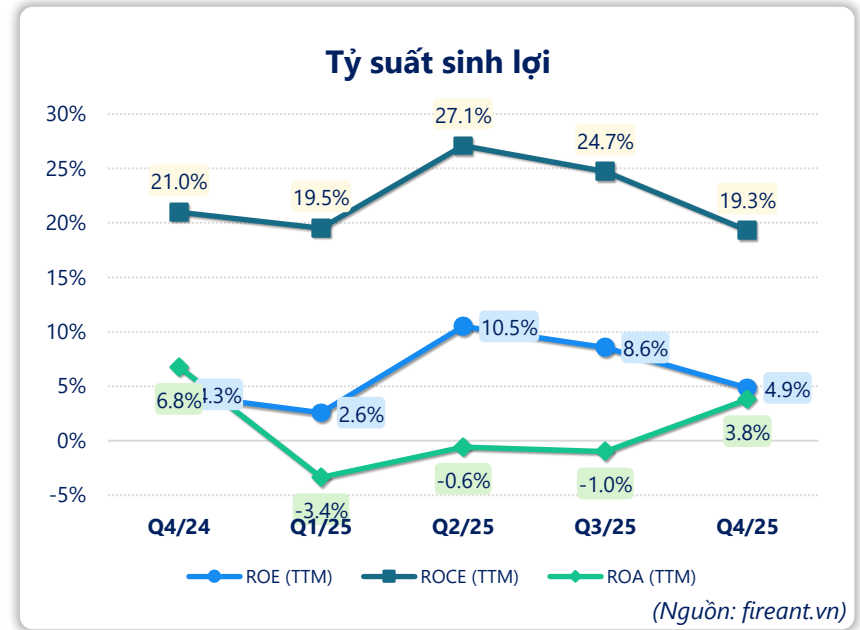
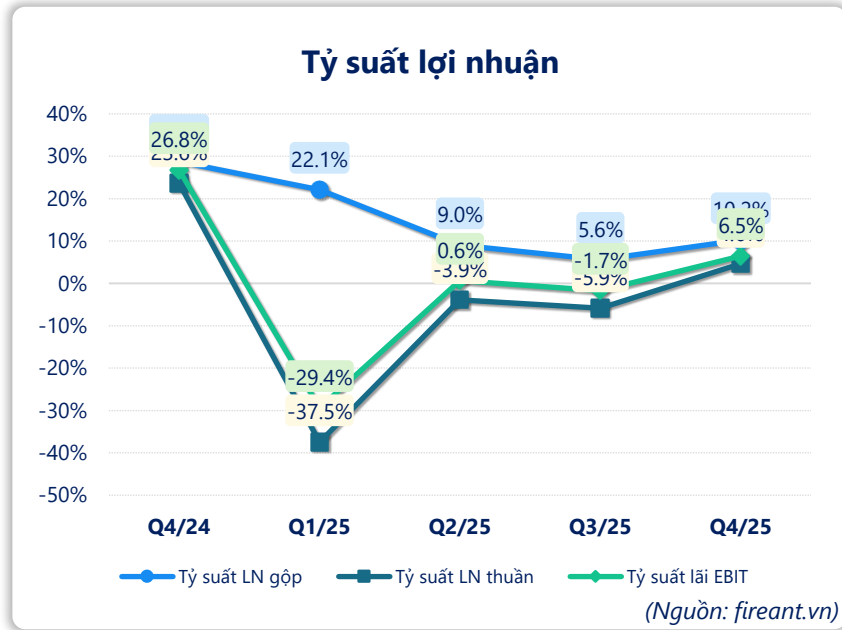
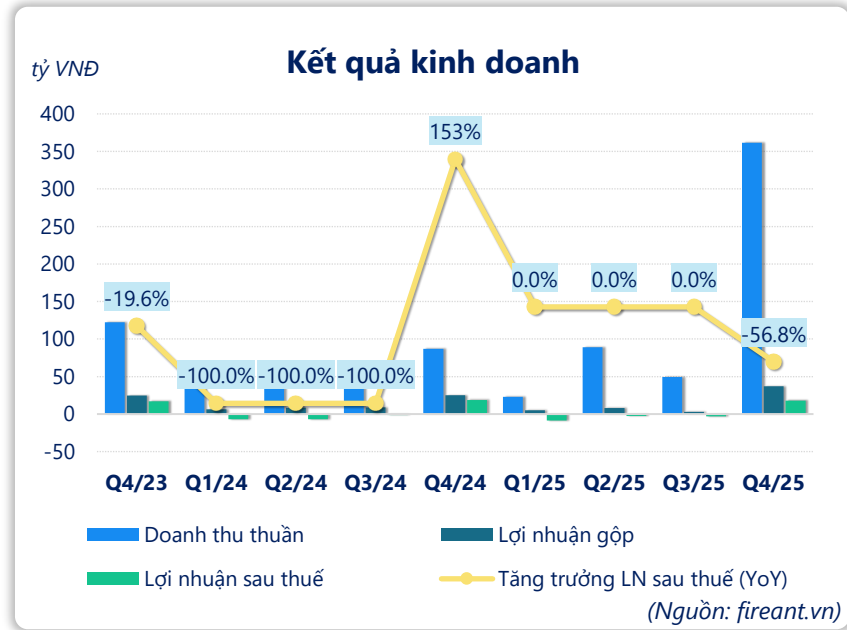
	YTD	1T	3T	6T
VTC	71.6%	-47.8%	46.6%	55.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



CTCP Viễn thông VTC (HNX: VTC)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	608	258	136%
Tài sản ngắn hạn	582	238	145%
Tiền và tương đương tiền	33.6	24.9	35.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.86	0.31	178%
Phải thu ngắn hạn	382	129	197%
Hàng tồn kho	156	83.0	87.6%
Tài sản ngắn hạn khác	10.1	1.23	728%
Tài sản dài hạn	25.4	20.0	26.5%
Phải thu dài hạn	1.37	0.87	57.7%
Tài sản cố định	18.8	14.7	27.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.21	4.46	16.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	527	178	197%
Nợ ngắn hạn	520	176	196%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	232	79.7	191%
Phải trả người bán ngắn hạn	265	79.9	232%
Nợ dài hạn	6.84	1.94	253%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.48	1.35	380%
Nguồn vốn chủ sở hữu	80.9	80.5	0.6%
Vốn chủ sở hữu	80.9	80.5	0.6%
Vốn điều lệ	45.3	45.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	87.0	22.9	89.2	49.2	362
Giá vốn hàng bán	62.1	17.9	81.1	46.5	325
Lợi nhuận gộp	25.0	5.07	8.02	2.75	36.9
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	0.02	0.15	0.35
Chi phí TC	2.23	1.74	3.77	2.68	5.10
Chi phí lãi vay	2.14	1.74	2.71	2.10	4.70
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.05	4.06	3.25	-1.97	9.28
Chi phí QLDN	1.14	7.89	4.53	5.10	6.21
LN thuần từ HĐKD	20.6	-8.59	-3.51	-2.89	16.7
Lợi nhuận khác	0.56	0.11	1.36	-0.05	2.03
LN trước thuế	21.1	-8.49	-2.14	-2.95	18.7
Lợi nhuận sau thuế	18.7	-8.49	-2.59	-2.97	18.0
LNST của CĐ cty mẹ	17.8	-8.01	-1.61	-2.91	16.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.0	-13.0	-21.7	5.22	-110
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.66	-4.53	5.12	0.11	-2.35
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.2	5.60	21.8	28.2	94.1
Tiền đầu kỳ	15.4	24.9	12.9	18.2	51.7
Lưu chuyển tiền thuần	9.46	-12.0	5.25	33.5	-18.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	24.9	12.9	18.2	51.7	33.6

(Nguồn: fireant.vn)